TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Hồng Thái;
2. Bà Chu Thị Thi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp*: "Ly hôn,nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023. giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T - Sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh T. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn S - Sinh năm 1990. Trú tại: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Đặng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện N, tỉnh T vào ngày 05/3/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc . Sau phát sinh nhiều mâu thu ẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn , cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh S nữa do vậy kiên quyết xin được ly hôn với anh Đặng Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên Đặng Nhật D sinh ngày xx/01/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, chị nhất trí để anh S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 và biên bản hòa giải ngày 07/3/2023 anh Đặng Văn S trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh kết hôn với chị Đặng Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện N, tỉnh T vào ngày 05/3/2012. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn , nguyên nhân do vợ chồng tôi không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian . Tuy nhiên, chị T xin ly hôn anh không nhất trí. Lí do là chị T tự bỏ đi, chị T muốn làm gì thì làm anh cũng không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung tên Đặng Nhật D sinh ngày xx/xx/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường . Sau khi chị T bỏ đi con vẫn ở cùng với anh . Nếu ly hôn , anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Nhật D đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2023 cháu Đặng Nhật D trình bày:*

Cháu có biết việc bố mẹ xin ly hôn ở Tòa án . Hiện nay cháu đang ở cùng bố tại thôn Khâu Phảng, xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được tiếp tục sống cùng với bố Đặng Văn S để được chăm sóc tốt nhất.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho hai bên thống nhất với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng các bên không thể thống nhất được. Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng; anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vẫn không đồng ý ly hôn vì lý do chị T tự bỏ đi.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Đặng Thị T và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đặng Văn S.

- Bị đơn anh Đặng Văn S, không đồng ý ly hôn vì chị T tự bỏ đi ở với người khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T; giao con chung Đặng Nhật D sinh ngày xx/xx/2012 cho anh Đặng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đặng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn và đã thực hiện các bước theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Đặng Thị T thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị T và anh S, xác định Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh T vào ngày 05/3/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc . Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Việc anh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không có căn cứ chấp nhận. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung tên Đặng Nhật D sinh ngày xx/xx/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, con chung Đặng Nhật D tự nguyện lựa chọn ở

với bố là anh Đặng Văn S và chị T cũng đồng ý và tôn trọng sự lựa chọn của con, vì vậy giao con chung cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con chung). Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nội dung các bên thỏa thuận với nhau về con chung và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Đặng Văn S. Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Nhật D sinh ngày xx/xx/2012, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho anh Đặng Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000816 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Tiến Đại

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm (Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Bộc Bố (01b);
- UBND xã Hồng Thái, Na Hang, Tuyên quang
- Lưu.